

**HỘI ĐỒNG QUỐC GIA VỀ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ
NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: 112/QĐ-HĐQGPTBV&NCNLCT

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quốc gia
về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 486/QĐ-HĐPTBVQG ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Phát triển bền vững quốc gia về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Phát triển bền vững quốc gia.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan liên quan, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Các thành viên Hội đồng QG về PTBV và NCNLCT;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công TTĐT;
- Văn phòng PTBV (Bộ KH-ĐT);
- Lưu: VT, HĐQGPTBV-NCNLCT (3b), NLT. 280



**PHÓ THỦ TƯỚNG
Nguyễn Thiện Nhân**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh

(Ban hành theo Quyết định số 112/QĐ-HĐQGPTBV&NCNLCT

*Ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chủ tịch Hội đồng Quốc gia về Phát triển
bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh (dưới đây gọi tắt là Hội đồng) và các Ủy ban chuyên môn của Hội đồng.

2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh, Văn phòng Phát triển bền vững (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và các cơ quan có đại diện là thành viên của Hội đồng.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các ủy viên Hội đồng và thực hiện theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng chịu trách nhiệm về những quyết định và ý kiến tham mưu, tư vấn của mình trong công việc của Hội đồng.

2. Ý kiến tư vấn, đề xuất của Hội đồng được thảo luận tập thể và do Chủ tịch Hội đồng kết luận.

3. Những vấn đề lớn, phức tạp, cần tổ chức việc tham khảo ý kiến các chuyên gia, các nhà khoa học trước khi đưa ra Hội đồng thảo luận.

4. Hoạt động của Hội đồng thông qua các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Các thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

1. Tham mưu, tư vấn giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo:

a) Xây dựng và thực hiện chiến lược, chính sách, các chương trình, nhiệm vụ và hoạt động về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh; các giải pháp nhằm thực hiện phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh; giám sát đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam theo Định hướng chiến lược phát triển bền vững Việt Nam và Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các mục tiêu, tiêu chí về nâng cao năng lực cạnh tranh; tổng kết thực hiện phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh ở Việt Nam;

b) Những hoạt động liên quan đến những cam kết của Chính phủ Việt Nam với Liên hợp quốc và quốc tế trong khuôn khổ hoạt động của Thập kỷ giáo dục vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc (giai đoạn 2005 - 2014);

c) Xây dựng báo cáo quốc gia về phát triển bền vững, báo cáo quốc gia về năng lực cạnh tranh; tổ chức Hội nghị toàn quốc về phát triển bền vững, Hội nghị toàn quốc về nâng cao năng lực cạnh tranh.

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các báo cáo tư vấn, kiến nghị của Hội đồng về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng

1. Hội đồng gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên.

2. Hội đồng có 4 Ủy ban chuyên môn, bao gồm:

a) Ủy ban Phát triển bền vững về kinh tế và Nâng cao năng lực cạnh tranh do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì;

b) Ủy ban Phát triển bền vững về xã hội do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì;

c) Ủy ban Phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì;

d) Ủy ban về Thập kỷ giáo dục vì sự phát triển bền vững của Việt Nam do Lãnh đạo Bộ Ngoại giao chủ trì.

Điều 5. Thường trực Hội đồng

1. Thường trực Hội đồng gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực và Tổng Thư ký Hội đồng.

2. Thường trực Hội đồng có các nhiệm vụ sau:

a) Thông qua dự thảo kế hoạch và chương trình công tác của Hội đồng;

b) Giải quyết những vấn đề phát sinh đột xuất cần có ý kiến của tập thể mà không kịp tổ chức họp Hội đồng;

c) Ủy viên Thường trực và Tổng Thư ký Hội đồng thường xuyên xem xét, kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng

1. Chủ tịch Hội đồng:

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của Hội đồng;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng;

c) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên; yêu cầu các Bộ, cơ quan hữu quan thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng;

d) Quyết định chương trình/kế hoạch công tác, nội dung làm việc của Hội đồng và các vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng;

đ) Triệu tập, chủ trì và kết luận các cuộc họp của Hội đồng, Thường trực Hội đồng;

e) Giải quyết các đề xuất liên quan thuộc phạm vi hoạt động và nhiệm vụ của Hội đồng.

2. Các Phó Chủ tịch Hội đồng:

a) Thực hiện và chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng phân công;

b) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động của Ủy ban chuyên môn được giao chủ trì;

c) Quyết định chương trình, nội dung làm việc và thành phần tham gia Ủy ban chuyên môn được giao chủ trì theo các quy định tại Quy chế này;

d) Chủ tọa và kết luận các cuộc họp của Ủy ban chuyên môn được giao chủ trì;

đ) Ký các văn bản trong phạm vi trách nhiệm được phân công và ký thay Chủ tịch Hội đồng những văn bản do Chủ tịch Hội đồng ủy nhiệm;

e) Thay mặt Chủ tịch Hội đồng điều hành và giải quyết công việc thuộc quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng khi được ủy quyền;

3. Phó Chủ tịch Thường trực, ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Khoản 2 Điều này, còn có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Chủ tọa và kết luận các cuộc họp Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền;

b) Trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của Văn phòng Phát triển bền vững;

c) Giúp Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng, chuẩn bị chương trình và nội dung các cuộc họp của Hội đồng, Thường trực Hội đồng.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên, Ủy viên Thường trực và Tổng Thư ký Hội đồng

1. Ủy viên Hội đồng:

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về nội dung, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng và các hoạt động khác của Hội đồng; đóng góp ý kiến kịp thời, có chất lượng vào các văn bản được gửi lấy ý kiến;

c) Chủ động đề xuất những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng và các vấn đề có liên quan đến phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh đối với lĩnh vực mình đại diện;

d) Có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức để triển khai kết luận của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh tại cơ quan, tổ chức mình và báo cáo kết quả việc triển khai ở cơ quan, tổ chức mình với Chủ tịch Hội đồng;

đ) Được cung cấp những thông tin cần thiết kịp thời về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh, về hoạt động của Hội đồng và các Ủy ban chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng tham mưu, tư vấn của Hội đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

e) Sử dụng bộ máy của Bộ, ngành, cơ quan mình để tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; đề xuất các ý kiến của Bộ, ngành, cơ quan mình về các vấn đề trong hoạt động của Hội đồng, những vấn đề hợp tác với các nhà tài trợ, trình Chủ tịch Hội đồng xem xét quyết định;

g) Được tham gia các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, hội thảo do Hội đồng và các Ủy ban chuyên môn tổ chức;

h) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng, sử dụng tư cách Ủy viên Hội đồng đồng thời với sử dụng chức danh và con dấu của cơ quan mà mình là đại diện.

2. Ủy viên Thường trực (Thủ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư), ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn nêu tại Khoản 1 Điều này, còn có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Chủ trì tổ chức phối hợp công việc giữa các Ủy ban chuyên môn của Hội đồng và giữa các Ủy ban chuyên môn với các Bộ, ngành, địa phương nhằm thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng;

b) Giúp Hội đồng, Thường trực Hội đồng chuẩn bị chương trình và nội dung, tổ chức các kỳ họp;

c) Giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng chỉ đạo, điều hành Văn phòng Phát triển bền vững;

d) Thực hiện nhiệm vụ Người phát ngôn của Hội đồng, cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tin báo chí theo quy định của pháp luật.

3. Tổng Thư ký Hội đồng, ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn nêu tại Khoản 1 Điều này, còn có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Phối hợp thường xuyên với Văn phòng Phát triển bền vững (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng; chuẩn bị chương trình và nội dung các cuộc họp Hội đồng, Thường trực Hội đồng; chuẩn bị báo cáo tổng hợp ý kiến tư vấn của Hội đồng; chuẩn bị các báo cáo của Hội đồng theo định kỳ trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chuẩn bị, tổ chức các cuộc họp và thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng tại các cuộc họp;

b) Đảm bảo duy trì các hoạt động thường xuyên của Hội đồng.

Điều 8. Cơ quan giúp việc của Hội đồng

1. Văn phòng Phát triển bền vững đặt tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp việc của Hội đồng và Ủy ban Phát triển bền vững về kinh tế và Nâng cao năng lực cạnh tranh. Văn phòng có chức năng giúp Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Điều 2 Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Văn phòng Phát triển bền vững gồm Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng và một số cán bộ chuyên trách. Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng do Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng - Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ nhiệm, miễn nhiệm.

3. Văn phòng Phát triển bền vững là đơn vị dự toán cấp III, chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đảm bảo cho các hoạt động của Hội đồng và Văn phòng.

4. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Văn phòng Phát triển bền vững do Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng - Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÁC ỦY BAN CHUYÊN MÔN

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban chuyên môn

1. Ủy ban Phát triển bền vững về kinh tế và Nâng cao năng lực cạnh tranh

a) Tư vấn, đề xuất với Chủ tịch Hội đồng trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược, chính sách, các chương trình, nhiệm vụ và hoạt động về phát triển bền vững về kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh; các giải pháp nhằm thực hiện phát triển bền vững về kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh; giám sát đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững về kinh tế ở Việt Nam theo Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam và Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Tổ chức xây dựng báo cáo quốc gia về năng lực cạnh tranh và báo cáo chuyên đề theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng;

c) Đề xuất các nội dung cần tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về phát triển bền vững về kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh;

d) Tổ chức nghiên cứu, điều tra, khảo sát về các vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Ủy ban hoặc theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng giao.

2. Ủy ban Phát triển bền vững về xã hội

a) Tư vấn, đề xuất với Chủ tịch Hội đồng trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược, chính sách, các chương trình, nhiệm vụ và hoạt động về phát triển bền vững về xã hội; các giải pháp nhằm thực hiện phát triển bền vững về xã hội; giám sát đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững về xã hội ở Việt Nam theo Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam và Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Tổ chức xây dựng các báo cáo chuyên đề theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng;

c) Đề xuất các nội dung cần tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về phát triển xã hội bền vững;

d) Tổ chức nghiên cứu, điều tra, khảo sát về các vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Ủy ban, hoặc theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển bền vững về xã hội theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng giao.

3. Ủy ban Phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường

a) Tư vấn, đề xuất với Chủ tịch Hội đồng trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược, chính sách, các chương trình, nhiệm vụ và hoạt động về phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường; các giải pháp nhằm thực hiện phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường; giám sát đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường ở Việt Nam theo Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam và Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Tổ chức xây dựng các báo cáo chuyên đề theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng;

c) Đề xuất các nội dung cần tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về phát triển bền vững tài nguyên và môi trường;

d) Tổ chức nghiên cứu, điều tra, khảo sát về các vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Ủy ban hoặc theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng giao.

4. Ủy ban về Thập kỷ giáo dục vì sự phát triển bền vững của Việt Nam

a) Tham mưu, đề xuất với Chủ tịch Hội đồng các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thúc đẩy việc thực hiện giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam; tư vấn cho Chủ tịch Hội đồng các vấn đề liên quan đến định hướng các chính sách, chương trình và hoạt động của Việt Nam trong khuôn khổ Thập kỷ giáo dục vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc;

b) Tổ chức xây dựng các báo cáo chuyên đề theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng;

c) Đề xuất các nội dung cần tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về giáo dục vì sự phát triển bền vững;

d) Chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan thúc đẩy chương trình hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO và các hoạt động trong khuôn khổ Thập kỷ giáo dục vì sự phát triển bền vững;

đ) Tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện giáo dục vì sự phát triển bền vững với Chủ tịch Hội đồng;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng giao.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức của các Ủy ban chuyên môn

1. Ủy ban Phát triển bền vững về kinh tế và Nâng cao năng lực cạnh tranh do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, gồm các thành viên sau:

- a) Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- b) Lãnh đạo Văn phòng Chính phủ;
- c) Lãnh đạo Bộ Ngoại giao;
- d) Lãnh đạo Bộ Tài chính;
- đ) Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- e) Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ;
- g) Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- h) Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải;
- i) Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông;
- k) Lãnh đạo Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- l) Lãnh đạo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội;
- m) Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương;
- n) Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- o) Lãnh đạo Đài Truyền hình Việt Nam;
- p) Lãnh đạo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- q) Lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- r) Lãnh đạo Công ty Cổ phần FPT;
- s) Lãnh đạo Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam;
- t) Lãnh đạo Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
- u) Ông Nguyễn Bá Ân, Tổng Thư ký Hội đồng;
- v) Ông Trương Đình Tuyển, Chuyên gia;
- x) Bà Phạm Chi Lan, Chuyên gia;
- y) Một số đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Ủy ban Phát triển bền vững về xã hội do Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, gồm các thành viên sau:

- a) Lãnh đạo Bộ Tài chính;
- b) Lãnh đạo Bộ Y tế;
- c) Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- d) Lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- đ) Lãnh đạo Ủy ban về Các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- e) Lãnh đạo Đài Truyền hình Việt Nam;
- g) Lãnh đạo Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- h) Lãnh đạo Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- i) Lãnh đạo Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- k) Lãnh đạo Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;
- l) Lãnh đạo Viện Khoa học xã hội Việt Nam;
- m) Lãnh đạo Hội Xã hội học Việt Nam;
- n) Một số đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức liên quan.

3. Ủy ban Phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, gồm các thành viên sau:

- a) Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- b) Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ;
- c) Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Lãnh đạo Bộ Xây dựng;
- đ) Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải;
- e) Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- g) Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông;
- h) Lãnh đạo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội;
- i) Lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam;
- k) Lãnh đạo Đài Tiếng nói Việt Nam;
- l) Lãnh đạo Viện Khoa học xã hội Việt Nam;
- m) Lãnh đạo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- n) Lãnh đạo Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
- o) Lãnh đạo Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam;
- p) Lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- q) Một số đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức liên quan.

4. Ủy ban về Thập kỷ giáo dục vì sự Phát triển bền vững của Việt Nam do Lãnh đạo Bộ Ngoại giao chủ trì, gồm các thành viên sau:

- a) Lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- c) Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông;
- d) Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương;

- đ) Lãnh đạo Đài Tiếng nói Việt Nam;
- e) Lãnh đạo Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- g) Lãnh đạo Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- h) Lãnh đạo Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;
- i) Lãnh đạo Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam;
- k) Một số đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức liên quan.

5. Quyết định phê duyệt danh sách thành viên các Ủy ban chuyên môn do Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì Ủy ban ký ban hành.

6. Ngoài các thành viên quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, các Ủy ban có thể mời thêm đại diện của địa phương, doanh nghiệp và một số chuyên gia độc lập tham gia các cuộc họp Ủy ban. Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì Ủy ban quyết định thành phần mở rộng tại các cuộc họp Ủy ban.

Điều 11. Tổ chuyên viên giúp việc các Ủy ban chuyên môn

1. Các Ủy ban chuyên môn của Hội đồng có tổ chuyên viên giúp việc đặt tại Bộ chủ trì Ủy ban đó. Tổ chuyên viên có nhiệm vụ giúp Ủy ban xây dựng chương trình công tác và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban; xây dựng báo cáo chuyên đề theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng; chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu các cuộc họp Ủy ban.

2. Thành phần của tổ chuyên viên giúp việc gồm đại diện lãnh đạo cấp Vụ và chuyên viên một số đơn vị liên quan của Bộ chủ trì Ủy ban chuyên môn. Bộ trưởng Bộ chủ trì Ủy ban quyết định cơ cấu và số lượng thành viên của tổ chuyên viên giúp việc.

3. Kinh phí hoạt động của tổ chuyên viên giúp việc các Ủy ban chuyên môn do ngân sách Nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Bộ chủ trì Ủy ban đó.

Chương IV

PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG VÀ CÁC ỦY BAN CHUYÊN MÔN

Điều 12. Chế độ làm việc

Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên. Thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thảo luận, góp ý kiến, biểu quyết trực tiếp tại các kỳ họp của Hội đồng và góp ý kiến bằng văn bản khi có yêu cầu.

Điều 13. Hoạt động nghiên cứu, điều tra, khảo sát

Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo cơ quan thường trực và các Ủy ban chuyên môn thực hiện nghiên cứu, điều tra, khảo sát về các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh để phục vụ xây

dụng các báo cáo và công tác tham mưu, tư vấn theo chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng.

Kinh phí tổ chức nghiên cứu, điều tra, khảo sát được sử dụng ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Văn phòng Phát triển bền vững giúp Hội đồng tổ chức, quản lý các hoạt động nghiên cứu, điều tra, khảo sát.

Điều 14. Các kỳ họp

1. Kỳ họp của Hội đồng

a) Hội đồng họp thường kỳ vào tháng 3 và tháng 9 hàng năm. Cuộc họp Hội đồng thường kỳ cần có ít nhất 4/5 số lượng Ủy viên Hội đồng tham gia. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng có thể triệu tập cuộc họp bất thường. Cuộc họp bất thường cần có ít nhất 1/2 số lượng Ủy viên Hội đồng tham gia;

b) Ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng được Văn phòng Phát triển bền vững ghi thành biên bản. Kết luận của Chủ tịch Hội đồng tại các kỳ họp được Văn phòng Chính phủ ban hành thông báo;

c) Văn phòng Phát triển bền vững (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu của các kỳ họp Hội đồng và gửi các thành viên Hội đồng trước khi họp;

d) Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm hỗ trợ, đảm bảo kinh phí và các điều kiện hậu cần khác phục vụ cuộc họp của Hội đồng, Thường trực Hội đồng khi tổ chức họp tại trụ sở Chính phủ;

đ) Tùy theo nội dung của kỳ họp, Chủ tịch Hội đồng quyết định mời thêm đại diện một số cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan dự họp.

2. Kỳ họp của Thường trực Hội đồng

a) Thường trực Hội đồng họp thường kỳ vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm;

b) Các ý kiến, kết luận tại cuộc họp của Thường trực Hội đồng được Văn phòng Chính phủ ra thông báo để các Ủy ban của Hội đồng, các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện.

3. Kỳ họp của Ủy ban chuyên môn

a) Ủy ban chuyên môn họp định kỳ hai lần một năm;

b) Nội dung, kết quả cuộc họp, ý kiến của thành viên Ủy ban và kết luận của Chủ tọa cuộc họp được cơ quan chủ trì Ủy ban tổng hợp báo cáo Chủ tịch Hội đồng và gửi cơ quan thường trực Hội đồng;

c) Tổ chuyên viên giúp việc các Ủy ban chuyên môn có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu và làm thư ký cuộc họp Ủy ban.

Điều 15. Các báo cáo của Hội đồng

1. Hàng năm, Hội đồng báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình hoạt động và kiến nghị một số vấn đề về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh tại phiên họp thường kỳ của Chính phủ trong Quý I.

2. Định kỳ 3 năm, Hội đồng xây dựng báo cáo quốc gia về phát triển bền vững và báo cáo quốc gia về nâng cao năng lực cạnh tranh trình Thủ tướng Chính phủ;

3. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng sẽ giao các Ủy ban chuyên môn xây dựng báo cáo chuyên đề trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 16. Quan hệ công tác

1. Mọi quan hệ giữa các Ủy ban chuyên môn

Quan hệ giữa các Ủy ban chuyên môn là quan hệ phối hợp nhằm thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng và các Ủy ban; trao đổi và cung cấp thông tin về kết quả nghiên cứu, thảo luận và những vấn đề liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tại các cuộc họp của các Ủy ban. Các Ủy ban có trách nhiệm trả lời, cung cấp thông tin, tư liệu theo đúng nội dung và thời hạn do các Ủy ban khác yêu cầu.

2. Quan hệ giữa tổ chuyên viên giúp việc các Ủy ban chuyên môn và Văn phòng Phát triển bền vững (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Tổ chuyên viên giúp việc của các Ủy ban chuyên môn là đầu mối phối hợp các hoạt động của Ủy ban, có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Phát triển bền vững trong việc xây dựng chương trình công tác và tổ chức triển khai các nhiệm vụ của các Ủy ban chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ và sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

3. Quan hệ làm việc giữa Văn phòng Phát triển bền vững (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và Tổng Thư ký Hội đồng

Văn phòng Phát triển bền vững có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ Tổng Thư ký Hội đồng trong việc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

4. Mọi quan hệ của Hội đồng với các Bộ, ngành, địa phương

a) Hội đồng phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương về những vấn đề liên quan đến phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia;

b) Hội đồng có trách nhiệm phổ biến thông tin về các hoạt động và định hướng về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh, thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng tại các kỳ họp Hội đồng cho các Bộ, ngành, địa phương;

c) Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, số liệu về thực hiện phát triển bền vững và nâng cao năng lực

cạnh tranh theo yêu cầu của Hội đồng thông qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan thường trực của Hội đồng.

Điều 17. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng

a) Hội đồng sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định hiện hành.

b) Kinh phí hoạt động của Hội đồng do Văn phòng Phát triển bền vững dự trù và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; việc lập dự toán, quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hoạt động thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Kinh phí hoạt động của các Ủy ban chuyên môn

a) Các Ủy ban chuyên môn của Hội đồng được sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định hiện hành.

b) Kinh phí hoạt động của các Ủy ban chuyên môn được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các Bộ chủ trì Ủy ban chuyên môn; việc lập dự toán, quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hoạt động thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

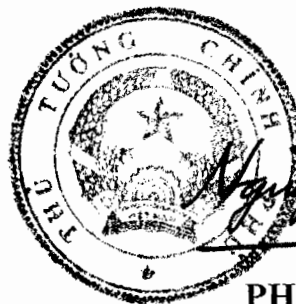
Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các thành viên Hội đồng, Văn phòng Phát triển bền vững và các tổ chức liên quan thực hiện tốt Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những vấn đề phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Bộ Kế hoạch và Đầu tư - cơ quan thường trực của Hội đồng tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định./.



CHỦ TỊCH

PHÓ THỦ TƯỚNG
Nguyễn Thiện Nhân

